

Số: 40/2020/QĐST-DS

*Bình Thủy, ngày 27 tháng 10 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 151/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*- Nguyên đơn:*

1/ Bà **Đặng Ngọc N**, sinh năm: 1961;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Tô Thanh D, sinh năm: 1960,  
(Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2020);

Cùng địa chỉ: Số 24, đường H, phường T, quận B, thành phố C.

2/ Bà **Đặng Thị Mỹ N**, sinh năm: 1980;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm:  
1977, (Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2020);

Cùng địa chỉ: Số 28/4/4A, đường H, phường T, quận B, thành phố C.

3/ Bà **Võ Thanh X**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Số 36/17A, đường H, phường T, quận B, thành phố C.

4/ Bà **Nguyễn Quỳnh H**, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Số 36/17, đường H, phường B, quận B, thành phố C.

5/ Bà **Lương Lệ H**, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Số 22, đường H, phường T, quận B, thành phố C.

6/ Bà **Đặng Thị N**, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Số 28/4/2, đường H, kC vực 4, phường T, quận B, thành phố C.

7/ Bà **Võ Thị Xuân Đ**, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Số 327/10, đường T, phường A, quận B, thành phố C.

8/ Bà **Vũ Thị Y**, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Số 48/12B, kC vực 4, phường T, quận B, thành phố C.

9/ Bà **Trần Thanh Nh**, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Số 48/15B, đường H, phường T, quận B, thành phố C.

- Bị đơn: 1/ Ông **Lại Minh C**, sinh năm: 1968;

2/ Bà **Lại Thị Hồng T**, sinh năm: 1992

Cùng địa chỉ: Số 28/14, đường H, phường T, quận B, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Mai Thị Ngọc O**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 97 đường Đ, phường A, quận B, thành phố C.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Đối với yêu cầu của bà Đặng Ngọc N: Người đại diện theo ủy quyền của bà N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 435.950.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó nợ tiền hui là 335.950.000 đồng và tiền mượn 100.000.000 đồng. Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu Hu; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Hu số tiền 435.950.000 đồng. Bà Đặng Ngọc N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

- Đối với yêu cầu của bà Đặng Thị Mỹ N: Người đại diện theo ủy quyền của bà N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 204.348.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu Hu; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Hu số tiền 204.348.000 đồng. Bà Đặng Thị Mỹ N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

- Đối với yêu cầu của bà Võ Thanh X: Bà X và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 122.432.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu Hu; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà

Hu số tiền 122.432.000 đồng. Bà Võ Thanh X không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

- Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Quỳnh H: Bà Quỳnh H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 184.280.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu Hu; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Hu số tiền 184.280.000 đồng. Bà Nguyễn Quỳnh H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

- Đối với yêu cầu của bà Lương Lệ H: Bà Lệ H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 56.200.000 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu H; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Hu số tiền 56.200.000 đồng. Bà Lương Lệ H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

- Đối với yêu cầu của bà Đặng Thị N: Bà N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 27.815.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu H; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Hu số tiền 27.815.000 đồng. Bà Đặng Thị N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

- Đối với yêu cầu của bà Võ Thị Xuân Đ: Bà Đ và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 89.740.000 đồng (tám mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu Hu; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Hu số tiền 89.740.000 đồng. Bà Võ Thị Xuân Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

- Đối với yêu cầu của bà Vũ Thị Y: Bà Y và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 76.500.000 đồng (bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu Hu; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Hu số tiền 76.500.000 đồng. Bà Vũ Thị Y không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

- Đối với yêu cầu của bà Trần Thanh Nh: Bà Nh và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất số tiền nợ là 72.486.000 đồng (bảy mươi hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Đây là số tiền nợ riêng của bà Trương Thị Thu

Hu; ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà Hu số tiền 72.486.000 đồng. Bà Trần Thanh Nh không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

Thời gian trả và cách thức trả nợ do các bên tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

***Về án phí dân sự sơ thẩm:***

- Đối với yêu cầu của bà Đặng Ngọc N: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 10.719.000 đồng (Mười triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng). (1)

- Đối với yêu cầu của bà Đặng Thị Mỹ N: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 5.108.700 đồng (năm triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm đồng). (2)

- Đối với yêu cầu của bà Võ Thanh X: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 3.060.800 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn lẻ tám trăm đồng). (3)

- Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Quỳnh H: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 4.607.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng). (4)

- Đối với yêu cầu của bà Lương Lệ H: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 1.405.000 đồng (một triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng). (5)

- Đối với yêu cầu của bà Đặng Thị N: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 695.375 đồng (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). (6)

- Đối với yêu cầu của bà Võ Thị Xuân Đ: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 2.243.500 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng). (7)

- Đối với yêu cầu của bà Vũ Thị Y: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 1.912.500 đồng (Một triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng). (8)

- Đối với yêu cầu của bà Trần Thanh Nh: Ông Lại Minh C và bà Lại Thị Hồng T phải chịu 1.812.150 đồng (Một triệu tám trăm mười hai nghìn một trăm năm mươi đồng). (9)

*(Tổng các khoản (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) + (9) = 31.564.025 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm hai mươi lăm đồng))*

Bà Đặng Ngọc N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 10.719.000 đồng (Mười triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 004544 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Bà Đặng Thị Mỹ N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 5.898.250 đồng (Năm triệu tám trăm chín mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu số 004543 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Bà Võ Thanh X được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 3.060.800 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn lẻ tám trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 004540 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Bà Nguyễn Quỳnh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 4.607.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 004545 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Bà Lương Lệ H được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.405.000 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 004546 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Bà Võ Thị Xuân Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.243.500 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 004542 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Bà Vũ Thị Y được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.332.500 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 004541 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Bà Trần Thanh Nh được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.812.000 đồng (Một triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 004579 ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa tCận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Cơ quan THA DS Q.BT;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Văng Thị Ngọc Yến**